TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 110/2022/HNGĐ-ST Ngày: 07-3-2022 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Châu Văn Bình**
Ông **Ngô Minh Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà: Ông **Dương Văn Nguyện**- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Thảo S,** sinh năm 1989; (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Phú Thạnh B, xã Phú K, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* **Trần Khánh T,** sinh năm 1988; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Phú Thạnh B, xã Phú K,, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo S trình bày: Chị và anh Trần Khánh T chung sống vợ chồng từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo vào ngày 03-10-2013. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến gia đình và các con, ăn chơi cờ bạc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hàn gắn được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con tên Trần Nguyễn Khánh A sinh ngày 09/3/2015 và Trần Nguyễn Khánh L sinh ngày 12/11/2020, hiện 02 cháu A và L đang sống

với chị. Khi ly hôn chị S có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Trần Khánh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị S, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị S là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S.

Về con chung: Giao Trần Nguyễn Khánh A sinh ngày 09/3/2015 và Trần Nguyễn Khánh L sinh ngày 12/11/2020 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị S yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định.

Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Thảo S và anh Trần Khánh T tranh chấp về việc ly hôn; bị đơn hiện cư trú tại ấp Phú Thạnh B, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Chị Nguyễn Thị Thảo S có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; anh Trần Khánh T vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập (tống đạt) hợp lệ. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị S, anh T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thảo S và anh Trần Khánh T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/10/2013. Hội đồng xét xử xét thấy, khi chị S có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị S, các lần hòa giải và tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do. Điều đó đã cho thấy anh T không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh chị. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến, không tham gia hòa giải cũng như tham dự phiên tòa nên

không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Xét thấy tình cảm và đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận cho chị S ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Có 02 con tên Trần Nguyễn Khánh A sinh ngày 09/3/2015 và Trần Nguyễn Khánh L sinh ngày 12/11/2020. Xét cần giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị S yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, xét cần buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu (02 cháu là 2.000.000 đồng) là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị S phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27; anh T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thảo S. Chị Nguyễn Thị Thảo S được ly hôn với anh Trần Khánh T.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Trần Nguyễn Khánh A sinh ngày 09/3/2015 và Trần Nguyễn Khánh L sinh ngày 12/11/2020 cho chị Nguyễn Thị Thảo S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con Trần Nguyễn Khánh A sinh ngày 09/3/2015 và Trần Nguyễn Khánh L sinh ngày 12/11/2020 mỗi tháng 2.000.000 đồng/02cháu (01 cháu 1.000.000 đồng) đến khi cháu A và cháu L đủ 18 tuổi, lao động được, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị Thảo S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị S đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004777 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như đã thi hành xong án phí. Anh Trần Khánh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị S, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Phương